TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 08 -10-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Minh và ông Lê Quang Chính
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2021/TLST-HS ngày 23-8-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Văn T (Tên gọi khác: X) – Sinh năm: 1959, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố X, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 4/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1937. Vợ: Ngô Thị V - Sinh năm: 1960, có 06 người con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Thành L – Sinh năm: 1944; địa chỉ: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận – Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C – Sinh năm: 1973. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

+ Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T – Sinh năm: 1973; trú tại: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt tại phiên tòa.
- Bà Nguyễn Thị Thanh T – Sinh năm: 1986; trú tại: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.
- Bà Trần Thị T1 – Sinh năm: 1953; trú tại: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.
- Bà Nguyễn Thị Thanh T2 – Sinh năm: 1985; trú tại: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị S – Sinh năm: 1973; trú tại: Khu phố z, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghi ngờ con gái của mình là chị Nguyễn Thị Thanh T có quan hệ bất chính với anh Trần Văn C nên ông Nguyễn Thành L có xảy ra mâu thuẫn với chị T. Chị T gọi điện Tại kể lại sự việc cho anh C nghe và kêu anh C đến nhà ông L để nói chuyện. Khoảng 20 giờ ngày 23-02-2021, anh C nhờ anh trai là Trần Văn T chở tới nhà ông L để nói chuyện. Khi tới nơi, T đứng ngoài đường còn anh C đi vào trong nhà ông L để nói chuyện. Ông L thấy C đi vào nhà liền nói: "Tại sao con T nó có chồng mà mày làm bậy với nó" rồi dùng cây gậy dùng làm cây chống đi lại đánh nhiều cái trúng vào đầu anh C làm rách da vùng trán gây chảy máu, anh C la lên rồi ôm mặt đứng tại chỗ. Nghe tiếng anh C la lên thì T từ ngoài chạy vào nhà ông L chứng kiến mặt C bị chảy nhiều máu, thấy ông L đang cầm cây gậy nên T đi tới và giật mạnh cây gậy trong tay ông L, mục đích để ông L không tiếp tục đánh anh C nữa. Hai bên giằng co qua lại, khi T giật được cây gậy thì ông C bị ngã xuống sân bị T tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về T tích số 75 ngày 21-5-2021 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận T tích của ông Nguyễn Thành L như sau: Gãy mấu chuyển cổ sương đùi trái, đã thay chỏm nhân tạo, tỷ lệ tổn T cơ thể do T tích gây nên là 36%;

Tại bản kết luận giám định Pháp y về T tích số 85 ngày 03-6-2021 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp y tỉnh Ninh Thuận kết luận T tích của anh Trần Văn C như sau: Vết T ngang vùng trán trên chân mày phía trong sẹo liền tốt (kích thước 1,8 x 0,1)cm; tỷ lệ tổn T cơ thể do T tích gây nên là 03%.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Thành L sử dụng cây gậy gây T tích cho anh C 03%, anh C không yêu cầu xử lý nên cơ quan Điều tra Công an huyện N đã chuyển hồ sơ cho Công an thị trấn P xử lý hành chính đối với ông Nguyễn Thành L.

Riêng hành vi của bà Trần Thị T1, sau khi sự việc kết thúc đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt chị Nguyễn Thị Thanh T nhưng không trúng. Tuy nhiên hành vi của bà T1 đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát Điều Tra Công an huyện N đề nghị xử lý hành chính đối với bà T1 là có căn cứ.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ 01 cây gậy gỗ có chiều dài 95,5cm là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố ông Nguyễn Thành L không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên tách thành vụ án dân sự độc lập khi ông L có yêu cầu; đối với anh Trần Văn C không có yêu cầu gì đối với ông L nên không xem xét.

Cáo trạng số 45/CT-VKS-HS ngày 20-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Trần Văn T về tội: "Cố ý gây T tích trong trạng thái tinh thần

bị kích động mạnh", theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự là: Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Cố ý gây T tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh".

Áp dụng: Điều 36; điểm i,s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy: Một khúc cây bằng gỗ dài 95,5cm là cây gậy ông L gây T tích cho anh C.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố ông Nguyễn Thành L không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N tách ra và xử lý bằng vụ kiện dân sự nếu ông L có yêu cầu. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận mức bồi thường thiệt hại như sau: Bị cáo có nghĩa vụ bôi thường cho bị hại số tiền là 40.000.000 đồng. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và bị hại đề nghị Tòa án ghi nhận.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Bị cáo và bị hại đều là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi. Tại phiên tòa, đã giải thích quy định về Trợ giúp pháp lý cho người cao tuổi có khó khăn về tài chính cho bị cáo, bị hại. Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có yêu cầu Trợ giúp pháp lý cũng như yêu cầu người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp tại phiên tòa.

[2.2]. Tại phiên tòa vắng mặt nhân chứng gồm: Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng và bà Trần Thị Sau. Xét các nhân chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra, vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xác định tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo:

[3.1]. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của nhân chứng và các chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để xác định được: Do biết em ruột mình là anh Trần Văn C bị ông Nguyễn Thành L dùng cây đánh gây T tích chảy nhiều máu ở vùng mặt, bị cáo chạy tới vị trí ông L đang đứng và dùng tay gật mạnh cây gậy của ông L cầm trên tay, hậu quả làm ông L ngã xuống sân bê tông bị T tích với tỷ lệ tổn T cơ thể là 36%.

[3.2]. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định được: Khi bị cáo chạy từ ngoài cổng vào nhà ông L lúc này, hành vi của ông L dùng cây đánh anh C đã kết thúc. Bị cáo chứng kiến em trai mình bị cháy máu ở vùng mặt nên chạy tới chỗ ông L đang đứng và dùng tay giật mạnh cây gậy trong tay của ông L. Do đó, hành vi của bị cáo không phải là hành vi phòng vệ chính đáng.

[3.3]. Xét ông L là người già (trên 70 tuổi), có khuyết tật ở chân, việc đi lại phải chống bằng gậy, bị cáo phải nhận thức được việc gằng co cây gậy với ông L có thể gây T tích cho ông L. Tuy bị cáo không mong muốn gây T tích cho ông L nhưng về ý thức chủ quan bị cáo chấp nhận mọi hậu quả xảy ra đối với ông L. Do đó hành vi của bị cáo thuộc trường hợp thực hiện với lỗi cố ý gián tiếp quy định tại khoản 2 Điều 10 Bộ luật Hình sự.

[3.4]. Xét hành vi dùng cây gậy (là hung khí nguy hiểm) của ông Nguyễn Thành L đánh gây T tích cho anh Trần Văn C với tỷ lệ tổn T cơ thể là 03%, là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của ông L đối với người thân thích của bị cáo bởi lẽ: Về mặt khác quan, hành vi của ông L đã cấu thành tội cố ý gây T tích quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên do anh Trần Văn C không có yêu cầu khởi tố nên hành vi của ông L không bị xem xét trách nhiệm hình sự. Bị cáo từ ngoài đường đi vào trong nhà ông L, đã chứng kiến em trai mình là anh Trần Văn C bị chảy nhiều máu ở vùng mặt nên tâm lý bị kích động mạnh dẫn tới không nhận thức hết được tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.5]. Từ sự phân tích trên có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ hành vi trái pháp luật nghiêm trọng liền trước đó của ông Nguyễn Thành L đối với em trai của bị cáo. Trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh dẫn tới không thể nhận thức hết được tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi của mình nên bị cáo đã có hành vi cố ý gián tiếp gây T tích cho ông L với tỷ lệ tổn T cơ thể là 36%. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây T tích trong trạng thái tình thần bị kích động mạnh" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp lỗi cố ý gián tiếp, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tội phạm bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5]. Xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị hại là ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1944 tính đến ngày bị hại đã 77 tuổi, nên bị

cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội với người từ đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ;

[6]. Xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo**:** Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[7]. Quyết định hình phạt đối với bị cáo**:**

Khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự quy định hình phạt chính gồm: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm. Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo có nghề nghiệp làm nông, là người cao tuổi nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

[8]. Xử lý vật chứng: Vật chứng thu giữ trong vụ án là một khúc cây bằng gỗ dài 95,5cm là cây gậy ông L gây T tích cho anh C, tại phiên tòa ông L không có yêu cầu nhận lại. Xét vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9]. Trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, tuy tố do ông L không có đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại nên cơ quan Điều tra đã tách yêu cầu bồi T thiệt hại không xem xét trong vụ án là có cơ sở. Tại phiên tòa, bị hại có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền là 40.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại là 40.000.000 đồng cho bị hại. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bị cáo và bị hại tại phiên Tòa, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[10]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi nên không phải chịu án phí hình sự thơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11]. Đối với hành vi của ông Nguyễn Thành L dùng cây gỗ gây T tích cho anh Trần Văn C, do anh C không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét. Riêng hành vi của bà Trần Thị T1 mặc dù không gây ra T tích gì cho chị Nguyễn Thị Thanh T, tuy nhiên hành vi của bà T1 đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ nên Cơ quan Cảnh sát Điều Tra Công an huyện N đề nghị xử lý hành chính đối với bà T1 nên không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "Cố ý gây T tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh".

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây gậy bằng gỗ có tổng chiều dài 95,5cm (một đầu có đường kính 2,5cm, dài 22cm; một đầu nhỏ đường kính 1,5cm, dài 73,5cm) được niêm phong và đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong.

Vật chứng đang được bảo quản tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 24-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện tại phiên tòa giữa bị cáo Trần Văn T và bị hại ông Nguyễn Thành L về việc "bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm". Bị cáo Trần Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại ông Nguyễn Thành L số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08-10- 2021).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
TH ẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng